

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 31
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước số 2, hiện nay Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1801116600 ngày 26 tháng 6 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 117.733.160.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: sản xuất, kinh doanh nước sạch;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Thi công lắp đặt đường ống.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 31).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm 2015:

Ông Nguyễn Văn Chính	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Phục	Ủy viên
Bà Phạm Hồng Kha	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Thiện	Ủy viên

Ngày 29 tháng 12 năm 2015, Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 đã tiến hành họp Hội đồng Quản trị để bầu lại chức danh Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty với kết quả như sau:

Ông Lê Quốc Phục	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Chính	Giám đốc Công ty

366C, Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Trần Thị Hòa Kế toán trưởng

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

TM. Ban Giám đốc

3

Số: 43../2016/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2, được lập ngày 07 tháng 03 năm 2016, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2016

Phó Giám đốc Công ty**Kiểm toán viên****Bùi Ngọc Vương****Lại Trường Dương**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3392-2015-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		42.141.173.584	80.363.721.975
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	347.756.259	37.293.508.968
1.	Tiền	111		347.756.259	2.756.633.868
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	34.536.875.100
II.	Đầu tư tài chính	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.936.375.615	12.368.241.849
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	1.402.837.339	1.938.350.588
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.826.531.948	1.434.721.565
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	9.707.006.328	8.995.169.696
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	24.261.695.023	27.456.569.666
1.	Hàng tồn kho	141		24.261.695.023	27.456.569.666
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		3.595.346.687	3.245.401.492
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	-	1.036.382.117
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.317.449.137	2.196.641.768
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	277.897.550	12.377.607
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C, Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		191.193.178.851	141.193.610.870
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
II.	Tài sản cố định	220		149.805.469.621	93.230.080.099
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	149.805.469.621	93.230.080.099
	- Nguyên giá	222		327.178.710.994	244.581.430.794
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(177.373.241.373)	(151.351.350.695)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.06	34.008.524.090	28.708.910.965
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		34.008.524.090	28.708.910.965
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	-	8.964.162.880
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	8.964.162.880
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		7.379.185.140	10.290.456.926
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	7.379.185.140	10.290.456.926
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		233.334.352.435	221.557.332.845

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C, Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

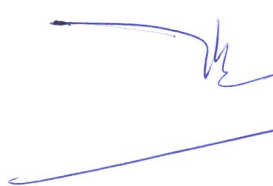
STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		109.244.729.625	101.233.534.272
I.	Nợ ngắn hạn	310		76.046.278.896	67.580.298.364
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	763.745.822	346.250.564
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		454.217.017	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	133.416.914	2.063.617.669
4.	Phải trả người lao động	314		1.159.566.986	1.036.382.094
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	-	7.515.888
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	60.608.690.733	63.644.553.131
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	12.462.283.507	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		464.357.917	481.979.018
II.	Nợ dài hạn	330		33.198.450.729	33.653.235.908
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.09	33.198.450.729	33.653.235.908
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.14	124.089.622.810	120.323.798.573
I.	Vốn chủ sở hữu	410		124.089.622.810	120.323.798.573
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		117.733.160.000	113.408.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		117.733.160.000	113.408.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		189.939.256	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.166.523.554	6.915.798.573
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.166.523.554	6.915.798.573
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		233.334.352.435	221.557.332.845

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Cần Thơ, ngày 07 tháng 03 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Thủy

Trần Thị Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	78.205.822.026	38.216.211.489
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	9.555.382	2.520.000
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		78.196.266.644	38.213.691.489
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	59.092.454.540	25.588.911.621
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.103.812.104	12.624.779.868
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	1.084.264.261	733.988.477
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	2.668.693.288	829.116.352
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.668.693.288	829.116.352
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	4.480.564.375	2.674.657.335
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.038.818.702	9.854.994.658
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	202.182.808	37.157.086
12.	Chi phí khác	32	VI.07	5.706.175	102.292
13.	Lợi nhuận khác	40		196.476.633	37.054.794
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.235.295.335	9.892.049.452
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	2.836.776.981	2.176.250.879
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		10.398.518.354	7.715.798.573
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	833	517
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	833	517

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Thủy

Kế toán trưởng



Trần Thị Hòa

Cần Thơ, ngày 07 tháng 03 năm 2016



Giám đốc



Nguyễn Văn Chinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		88.437.285.588	43.155.461.719
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(16.925.528.262)	(44.333.691.877)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.743.719.194)	(6.357.738.813)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(2.668.693.288)	(711.600.714)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(5.228.654.679)	(2.820.380.943)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		57.552.449	61.072.570.853
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(16.510.821.544)	(10.142.945.132)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.417.421.070	39.861.675.093
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(76.923.406.981)	(262.466.000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		566.343.574	1.157.917.937
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(76.357.063.407)	895.451.937

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C, Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

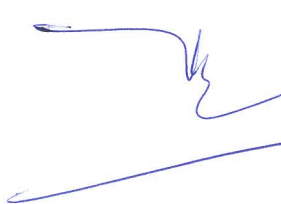
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		811.290.000	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		22.994.215.940	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(11.486.717.612)	(3.463.618.062)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.324.898.700)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		9.993.889.628	(3.463.618.062)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(36.945.752.709)	37.293.508.968
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		37.293.508.968	-
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		347.756.259	37.293.508.968

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Thủy

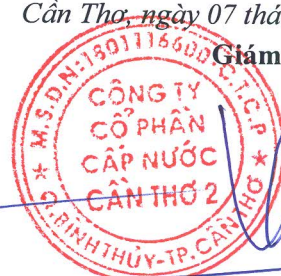
Kế toán trưởng



Trần Thị Hòa

Cần Thơ, ngày 07 tháng 03 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Văn Chinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: sản xuất, kinh doanh nước sạch;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Thi công lắp đặt đường ống.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2014.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C, Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C, Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	02 – 30 năm
- Máy móc, thiết bị	02 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 – 07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 08 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

09. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C, Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C, Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Đơn vị tính: VND***01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	5.029.280	1.272.341
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	342.726.979	2.755.361.527
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	34.536.875.100
Cộng	347.756.259	37.293.508.968

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C, Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
	Dự phòng		Dự phòng	
-	-	8.964.162.880	8.964.162.880	-
-	-	8.964.162.880	8.964.162.880	-
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-
-	-	8.964.162.880	8.964.162.880	-

Trong năm, Công ty đã nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Cấp nước Long Hòa (theo Hợp đồng sáp nhập doanh nghiệp số 05/HDSN ngày 20 tháng 01 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Long Hòa và Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2), từ thời điểm 0h ngày 11 tháng 02 năm 2015 Công ty Cổ phần Cấp nước Long Hòa chấm dứt sự tồn tại của Công ty như một pháp nhân độc lập và hoạt động phụ thuộc vào Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 theo hình thức hoạt động của Chi nhánh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C, Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	1.402.837.339	1.938.350.588
- Chi nhánh cấp nước Bình Thủy	375.157.660	21.586.380
- Chi nhánh cấp nước Số 2	582.636.740	783.959.140
- Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	-	624.969.450
- Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Ô Môn	150.000.000	200.000.000
- CN Công ty Cổ phần Đầu Tư & Xây Dựng Bưu Điện	242.885.241	242.885.241
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	52.157.698	64.950.377
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	1.402.837.339	1.938.350.588

04. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	9.707.006.328	-	8.995.169.696	-
- Tạm ứng	119.481.480	-	131.959.744	-
- Phải thu khác	9.587.524.848	-	8.863.209.952	-
+ Các chi nhánh công ty	429.021.224	-	324.594.523	-
+ Đội xây lắp	9.010.128.326	-	7.077.176.232	-
+ Các khoản phải thu khác	148.375.298	-	1.461.439.197	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	9.707.006.328	-	8.995.169.696	-

05. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	24.078.616.999	-	26.246.219.658	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	183.078.024	-	1.210.350.008	-
Cộng	24.261.695.023	-	27.456.569.666	-

06. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm	-	-
- Xây dựng cơ bản	34.008.524.090	28.708.910.965
+ Công trình mạng lưới cấp thoát nước	34.008.524.090	28.708.910.965
Cộng	34.008.524.090	28.708.910.965

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2
366C, Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ, quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	96.949.804.505	81.252.545.429	65.103.743.826	1.275.337.034	244.581.430.794
- Mua trong năm	-	9.754.375.869	-	-	9.754.375.869
- Đầu tư XD CB hoàn thành	1.246.724.419	203.276.576	54.301.466.547	1.197.563.451	56.949.030.993
- Tăng do sáp nhập Công ty con	4.036.324.096	1.857.798.441	6.041.258.831	-	11.935.381.368
- Nhận góp vốn bằng tài sản	-	1.778.473.804	2.180.018.166	-	3.958.491.970
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	102.232.853.020	94.846.470.119	127.626.487.370	2.472.900.485	327.178.710.994
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	59.342.238.064	63.686.182.525	27.942.224.542	380.705.564	151.351.350.695
- Khấu hao trong năm	10.376.514.704	5.143.793.109	6.555.108.216	354.505.657	22.429.921.686
- Tăng do sáp nhập Công ty con	609.492.718	670.225.342	787.628.962	-	2.067.347.022
- Nhận góp vốn bằng tài sản	-	926.287.500	598.334.470	-	1.524.621.970
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	70.328.245.486	70.426.488.476	35.883.296.190	735.211.221	177.373.241.373
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	37.607.566.441	17.566.362.904	37.161.519.284	894.631.470	93.230.080.099
2. Tại ngày cuối năm	31.904.607.534	24.419.981.643	91.743.191.180	1.737.689.264	149.805.469.621

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 4.134.640.501 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 101.459.491.700 VND và 81.618.149.661 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C, Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***08. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	-	1.036.382.117
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	1.036.382.117
b. Dài hạn	7.379.185.140	10.290.456.926
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	591.675.161	638.517.876
- Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	5.627.942.993	9.379.904.993
- Các khoản khác	1.159.566.986	272.034.057
Cộng	7.379.185.140	11.326.839.043

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C, Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Vay và nợ thuế tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	-	-	12.462.283.507	-	12.462.283.507	12.462.283.507
- Vay ngân hàng	-	-	-	-	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	12.462.283.507	-	12.462.283.507	12.462.283.507
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cần Thơ ^(a)	-	-	7.566.283.507	-	7.566.283.507	7.566.283.507
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô ^(b)	-	-	4.896.000.000	-	4.896.000.000	4.896.000.000
b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	33.653.235.908	33.653.235.908	23.494.215.940	23.949.001.119	33.198.450.729	33.198.450.729
b.1. Vay dài hạn	33.653.235.908	33.653.235.908	23.494.215.940	23.949.001.119	33.198.450.729	33.198.450.729
Từ 1 năm đến 5 năm	33.653.235.908	33.653.235.908	23.494.215.940	23.949.001.119	33.198.450.729	33.198.450.729
- Vay ngân hàng	33.653.235.908	33.653.235.908	23.494.215.940	23.949.001.119	33.198.450.729	33.198.450.729
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cần Thơ ^(a)	26.666.282.796	26.666.282.796	500.000.000	17.205.001.119	9.961.281.677	9.961.281.677
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô ^(b)	6.986.953.112	6.986.953.112	22.994.215.940	6.744.000.000	23.237.169.052	23.237.169.052
- Vay đối tượng khác	-	-	-	-	-	-
Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-
- Vay ngân hàng	-	-	-	-	-	-
- Vay đối tượng khác	-	-	-	-	-	-
b.2. Nợ thuế tài chính	-	-	-	-	-	-
Cộng	33.653.235.908	33.653.235.908	35.956.499.447	23.949.001.119	45.660.734.236	45.660.734.236

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C, Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Cần Thơ theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 11.16.012 ngày 08 tháng 12 năm 2011 để đầu tư hạng mục tuyến ống công nghệ D400, D600 từ nhà máy nước Cần Thơ 2 đến đường Võ Văn Kiệt và hạng mục bể chứa trạm bơm cấp 2 thuộc dự án nâng công suất nhà máy nước Cần Thơ 2 lên thêm 10.000 m³/ngày đêm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay: bể chứa, trạm bơm cấp 2, nhà hoá chất phục vụ dây chuyền xử lý công suất 10.000 m³/ngày đêm, đường ống công nghệ D400, D600, mạng lưới tuyến ống cấp nước, máy móc thiết bị phục vụ quản lý, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Hợp đồng số 11.16.0009 ngày 19 tháng 4 năm 2011 để đầu tư dự án nâng công suất nhà máy nước Cần Thơ số 2 lên thêm 10.000 m³/ngày đêm (thanh toán tiền xây dựng, cung cấp lắp đặt thiết bị và công nghệ). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ công trình xây dựng trên đất, trang thiết bị công nghệ nâng công suất nhà máy nước Cần Thơ lên thêm công suất 10.000 m³/ngày.
- Hợp đồng số 12.67.049 ngày 25 tháng 12 năm 2012 để đầu tư tuyến ống cấp nước D300, D250 gang và D114 PVC dọc tuyến đường Võ Văn Kiệt, thành phố Cần Thơ và tuyến ống D400 gang và D114 PVC tuyến bên phải đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ đường Cách Mạng Tháng 8 đến đường Mậu Thân) quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tuyến ống cấp nước D300, D250 gang và D114 PVC dọc tuyến đường Võ Văn Kiệt, thành phố Cần Thơ và tuyến ống D400 gang và D114 PVC tuyến bên phải đường (đoạn từ đường Cách Mạng Tháng 8 đến đường Mậu Thân) Nguyễn Văn Cừ, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
- Hợp đồng số 79009/2014 ngày 20 tháng 5 năm 2014 để đầu tư tuyến ống cấp nước D.375 gang từ đoạn cầu Cái Khế đến cầu Nhị Kiều và đoạn từ vòng xoay bến xe Mới đến đường Nguyễn Văn Cừ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tuyến ống cấp nước D.375 gang từ đoạn cầu Cái Khế đến cầu Nhị Kiều và đoạn từ vòng xoay bến xe Mới đến đường Nguyễn Văn Cừ.
- Hợp đồng số 79.010/2014 ngày 04 tháng 9 năm 2014 để đầu tư dự án nâng cấp cải tạo QL 91, hạng mục di dời hệ thống cấp nước km7+000 đến cầu Trà Nóc QL 91 quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hạng mục nâng cấp cải tạo QL 91, hạng mục di dời hệ thống cấp nước Km7+000 đến cầu Trà Nóc QL 91 quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số TF 8047.14 /HĐTD ngày 5 tháng 11 năm 2014 để đầu tư dự án nâng cấp cải tạo hạng mục: tuyến ống cấp nước D450 HDPE bên phải từ cầu Bà Bộ đến cầu Bình Thủy 2 đường Võ Văn Kiệt. Hạng mục: tuyến ống cấp nước D.250 Gang; D.255 HDPE & D.110 HDPE từ Cầu Rạch Súc Võ Văn Kiệt đến cầu Rạch Súc quốc lộ 91B, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
- Hợp đồng TD.0021.15/HĐTD ngày 11 tháng 3 năm 2015 để đầu tư dự án nâng cấp cải tạo tuyến ống nước tỉnh lộ 918, hạng mục: tuyến ống nước D300 gang và D63 HDPE. Giai đoạn I: từ Km1+200 (cầu Bình Thủy 2) đến Km5+404, tỉnh lộ 918, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Giai đoạn 2 từ Km5+404 đến Km9+922 (Cổng Mương Ranh xã Giai Xuân), tỉnh lộ 918, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
- Hợp đồng số 202/2015/6567854/HĐTD ngày 19 tháng 11 năm 2015 để đầu tư xây dựng tuyến ống cấp nước bên phải Quốc lộ 91B – đoạn từ cầu Hàng Bàng (cầu Bà Bộ) đến cầu Ông Tường.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C, Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	763.745.822	763.745.822	346.250.564	346.250.564
- Công ty TNHH MTV TMDV Xây dựng Bảo Gia	318.511.488	318.511.488	10.200.300	10.200.300
- Công ty TNHH Xây Dựng Thái Bình Miền Tây	279.426.563	279.426.563	-	-
- Công ty TNHH Xây Dựng Thế Lập	-	-	219.725.264	219.725.264
- Công ty TNHH Tín Việt	130.658.686	130.658.686	-	-
- Công ty TNHH Thương Mại N.T.P	-	-	82.500.000	82.500.000
- Công ty CP Công Nghệ Tín Thông	-	-	33.825.000	33.825.000
- Phải trả các đối tượng khác	35.149.085	35.149.085	-	-
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	763.745.822	763.745.822	346.250.564	346.250.564

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C, Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	4.126.575.286	4.126.575.286	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.048.170.439	2.902.586.690	5.228.654.679	277.897.550	-
- Thuế thu nhập cá nhân	12.377.607	-	114.281.484	83.499.873	-	18.404.004
- Thuế tài nguyên	-	15.447.230	379.557.020	279.991.340	-	115.012.910
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-	-	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	12.377.607	2.063.617.669	7.523.000.480	9.718.721.178	277.897.550	133.416.914

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2366C, Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	-	7.515.888
- Chi phí phải trả khác	-	7.515.888
<i>b. Dài hạn</i>	-	-
Cộng	-	7.515.888

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	60.608.690.733	63.644.553.131
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	-	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Phải trả về cổ phần hoá	42.263.475.190	52.263.475.190
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.939.895.049	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.405.320.494	11.381.077.941
+ Các đối tượng khác	11.405.320.494	11.381.077.941
<i>b. Dài hạn</i>	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
	60.608.690.733	63.644.553.131

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C, Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Tỷ lệ	Đơn vị tính: VND
	%	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		10.398.518.354
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	0%	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	7%	700.000.000
Chi trả cổ tức	34%	3.531.994.800

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	87.489.870.000	74,31	85.056.000.000	75
Vốn góp của các cổ đông khác:	30.243.290.000	25,69	28.352.000.000	25
- Công ty Thương mại N.T.P	25.940.470.000	22,03	25.191.000.000	22,21
- Các cổ đông khác	4.302.820.000	3,66	3.161.000.000	2,79
Cộng	117.733.160.000	100	113.408.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	113.408.000.000	-
+ Vốn góp tăng trong năm	4.325.160.000	113.408.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	117.733.160.000	113.408.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.202.394.800	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	5.670.400.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	3.531.994.800	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.773.316	11.340.800
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.773.316	11.340.800
+ Cổ phiếu phổ thông	11.773.316	11.340.800
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.773.316	11.340.800
+ Cổ phiếu phổ thông	11.773.316	11.340.800
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C, Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	189.939.256	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	189.939.256	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014
Doanh thu sản xuất nước	74.522.766.668	37.160.313.333
Doanh thu lắp đặt và công trình khác	3.683.055.358	1.055.898.156
Cộng	78.205.822.026	38.216.211.489

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	5.342.381	2.520.000
- Hàng bán bị trả lại	4.213.001	-
Cộng	9.555.382	2.520.000

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014
Giá vốn sản xuất nước	56.231.445.638	24.725.701.958
Giá vốn lắp đặt và công trình khác	2.861.008.902	863.209.663
Cộng	59.092.454.540	25.588.911.621

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	566.343.574	733.988.477
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	517.920.687	-
Cộng	1.084.264.261	733.988.477

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014
- Lãi tiền vay	2.668.693.288	829.116.352
Cộng	2.668.693.288	829.116.352

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C, Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014
- 6% giữ lại chi phí nước	109.356.903	-
- Thuế được giảm	35.261.497	-
- Các khoản khác	57.564.408	37.157.086
Cộng	202.182.808	37.157.086

07. Chi phí khác

	Năm nay	Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014
- Các khoản bị phạt chậm nộp	5.706.175	102.292
Cộng	5.706.175	102.292

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	4.480.564.375	2.674.657.335
- Chi phí nhân viên quản lý	2.924.298.743	1.607.936.069
- Chi phí vật liệu quản lý	91.601.091	108.977.593
- Chi phí đồ dùng văn phòng	155.429.500	75.941.478
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-
- Thuế, phí và lệ phí	78.400.674	67.062.835
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	2.110.527
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.230.834.367	812.628.833
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	-	-
- Chi phí nhân viên	-	-
- Chi phí vật liệu, bao bì	-	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	-	-
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	4.480.564.375	2.674.657.335

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.836.776.981
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.836.776.981

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C, Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	10.398.518.354	7.715.798.573
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.398.518.354	7.715.798.573
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	700.000.000	1.855.459.317
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.640.383	11.340.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	833	517

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	10.398.518.354	7.715.798.573
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.398.518.354	7.715.798.573
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	700.000.000	1.855.459.317
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.640.383	11.340.800
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	833	517

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Từ ngày 01/7/2014 đến ngày 31/12/2014
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.880.875.772	1.636.697.507
- Chi phí nhân công	20.491.236.461	8.374.121.296
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.429.921.686	10.235.603.989
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.632.446.054	4.568.138.625
- Chi phí khác bằng tiền	2.111.266.958	3.268.185.834
Cộng	62.545.746.931	28.082.747.251

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C, Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm nay
Tăng vốn do sáp nhập doanh nghiệp	1.080.000.000
Nhận góp vốn bằng tài sản	2.433.870.000
Cộng	3.513.870.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Giao dịch với các bên liên quan**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay
Tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng	1.926.369.459
Cộng	1.926.369.459

02. Thay đổi chính sách kế toán**Thay đổi chính sách kế toán**

Trong năm, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Điều chỉnh hồi tố

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 được điều chỉnh lại do số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được trừ khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Số liệu điều chỉnh lại cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	680	(163)	517

03. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số nội dung được trình bày lại cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Nội dung	Số dư tại 01/01/2015 (VND)	Chỉ tiêu đã trình bày trên BCTC năm 2014		Chỉ tiêu trình bày trên BCTC năm 2015	
			Tên chỉ tiêu	Mã số	Tên chỉ tiêu	Mã số
1	Tạm ứng	131.959.744	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

366C, Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

04. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Thủy

Kế toán trưởng

Trần Thị Hòa

Cần Thơ, ngày 07 tháng 03 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Văn Chinh

